

Số: 0784/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

**Kính gửi: QUÍ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (danh sách các Công ty con được trình tại thuyết minh I.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2012, từ trang 09 đến trang 55 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy có một số vấn đề sau:

- Tổng Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ do các công ty này lập mà chưa được soát xét bởi bên thứ 3 độc lập. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, Chúng tôi cũng không có điều kiện để soát xét số liệu của các Báo cáo tài chính này bằng các thủ tục kiểm tra khác (xem thuyết minh số V.16).
- Chúng tôi chưa thực hiện các thủ tục soát xét đối với số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến nhận xét về các số liệu này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

A blue ink signature in cursive script, appearing to read "Nen".

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 28 năm 2012

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.191.824.561.094	1.925.545.737.057
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	65.228.244.663	94.559.392.386
1.	Tiền	111		51.228.244.663	78.747.240.570
2.	Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	15.812.151.816
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		407.526.312.528	374.651.649.880
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	410.371.889.209	377.342.535.206
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.845.576.681)	(2.690.885.326)
III.	Các khoản phải thu	130		885.052.254.543	695.938.589.935
1.	Phải thu của khách hàng	131	V.4	707.056.793.566	608.399.815.276
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	73.649.375.717	49.027.861.561
3.	Phải thu nội bộ	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	138	V.6	147.843.808.184	81.136.969.046
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(43.497.722.924)	(42.626.055.948)
IV.	Hàng tồn kho	140		771.377.774.399	703.011.280.009
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	780.125.391.615	709.715.757.340
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(8.747.617.216)	(6.704.477.331)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		62.639.974.961	57.384.824.847
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.344.244.309	60.518.171
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.822.656.533	34.984.953.668
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.25	9.558.009.368	8.699.039.394
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	13.915.064.751	13.640.313.614

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.181.033.738.639	2.218.252.922.296
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.859.896.972	21.692.144.472
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc			-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	212		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	213	V.11	19.859.896.972	21.692.144.472
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.318.709.176.936	1.302.358.926.606
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	962.165.758.057	1.005.651.434.412
<i>Nguyên giá</i>	222		2.152.954.582.743	2.159.294.049.905
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.190.788.824.686)	(1.153.642.615.493)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	-	298.466.840
<i>Nguyên giá</i>	225		-	402.427.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(103.960.360)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	2.512.663.449	2.571.788.451
<i>Nguyên giá</i>	228		3.558.171.573	3.558.171.573
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.045.508.124)	(986.383.122)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	354.030.755.430	293.837.236.903
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		791.267.383.408	847.492.515.266
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	4.362.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	482.606.783.164	517.032.622.298
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	328.767.926.889	370.604.695.029
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.18	(20.107.326.645)	(44.506.802.061)
V. Tài sản dài hạn khác	260		35.608.289.062	29.557.055.305
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	34.304.340.332	28.288.496.685
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	1.303.948.730	1.268.558.620
VI. Lợi thế thương mại	269	V.21	15.588.992.261	17.152.280.647
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.372.858.299.733	4.143.798.659.353

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.169.636.196.792	2.925.683.475.026
I. Nợ ngắn hạn	310		2.184.360.258.903	1.974.283.207.383
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	1.618.245.960.542	1.411.654.939.744
2. Phải trả cho người bán	312	V.23	253.413.994.467	252.674.413.823
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	24.540.479.019	34.913.204.574
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.25	45.658.145.782	101.356.180.875
5. Phải trả công nhân viên	315	V.26	82.105.723.870	92.944.343.121
6. Chi phí phải trả	316	V.27	10.280.409.214	10.825.387.583
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.28	131.635.724.486	52.437.343.933
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	18.479.821.523	17.477.393.730
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		985.275.937.889	951.400.267.643
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.30	83.652.256.972	71.874.083.102
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	900.336.207.541	878.938.550.532
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.17	1.078.891.558	587.634.009
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		208.581.818	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		927.988.873.567	962.179.774.469
I. Vốn chủ sở hữu	410		927.988.873.567	962.179.774.469
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.32	500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.32	19.825.964.831	19.825.964.831
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	160.389.062
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.32	(11.641.280.643)	(11.641.280.643)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.080.514.532
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.32	144.503.792.812	117.846.603.432
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.32	23.950.140.573	18.642.991.675
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.32	251.350.255.994	316.264.591.580
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.33	275.233.229.374	255.935.409.858
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.372.858.299.733	4.143.798.659.353

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		458.241.269	458.241.269
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		664.339,76	284.500,26
Euro (EUR)		19,82	-
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Phạm Văn Vũ
Người lập biểu

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.946.024.961.848	2.012.503.909.723
2. Các khoản giảm trừ	03		3.446.621.839	1.717.761.592
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.942.578.340.009	2.010.786.148.131
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.667.223.260.109	1.659.040.836.376
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		275.355.079.900	351.745.311.755
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.773.318.487	77.928.902.869
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	92.386.890.124	124.019.360.298
Trong đó: chi phí lãi vay	23		103.364.518.820	81.507.538.781
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	55.104.390.841	48.477.596.873
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	82.464.754.783	79.675.082.572
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.172.362.639	177.502.174.881
11. Thu nhập khác	31	VI.7	19.111.870.460	9.374.187.256
12. Chi phí khác	32	VI.8	13.536.323.707	6.067.361.529
13. Lợi nhuận khác	40		5.575.546.753	3.306.825.727
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		89.377.424.658	9.584.281.343
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		159.125.334.050	190.393.281.951

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		15.347.648.890	23.072.130.940
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		143.777.685.160	167.321.151.011
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		38.202.998.476	32.718.356.293
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		105.574.686.684	134.602.794.718
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.152	2.744

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012

Phạm Văn Vũ
Người lập biểu

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		159.125.334.050	190.393.281.951
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13, V.14	60.754.949.143	66.543.848.351
- Các khoản dự phòng	03	V.3; V.7; V.9; V.18	(21.329.977.200)	(1.286.819.018)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	8.349.419.011
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(106.949.437.202)	(57.777.477.559)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	103.364.518.820	81.507.538.781
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		194.965.387.611	287.729.791.517
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(221.354.441.712)	(134.201.407.210)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(70.601.033.196)	(153.678.254.874)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		63.685.186.456	351.315.463.959
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.684.559.818)	3.297.744.970
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27; V.28; VI.4	(102.969.285.280)	(74.507.775.205)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(33.521.771.352)	(50.561.153.971)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.893.779.070	13.394.749.179
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(25.969.977.337)	(26.745.484.976)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(193.556.715.558)	216.043.673.389
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(108.949.463.409)	(148.353.282.414)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	13.058.272.724	3.805.025.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.000.000.000)	(121.250.864.976)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		49.681.575.645	87.887.500.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.704.131.274)	(333.197.008.107)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		3.376.000.000	167.543.130.708
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	82.095.270.513	52.231.379.608
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(30.442.475.801)	(291.334.119.362)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.019.928.371.049	1.548.324.315.488
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.810.206.309.356)	(1.366.038.325.046)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(218.808.245)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.32; VII	(15.689.479.794)	(102.154.788.906)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i><u>194.032.581.899</u></i>	<i><u>79.912.393.291</u></i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(29.966.609.460)	4.621.947.318
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	94.559.392.386	88.242.700.172
Tiền và tương đương tiền đầu năm của các Công ty con được hợp nhất lần đầu và loại trừ khỏi hợp nhất kỳ này			192.092.580	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		443.369.157	17.048.753
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	<u>65.228.244.663</u>	<u>92.881.696.243</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2012



Phạm Văn Vũ
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc